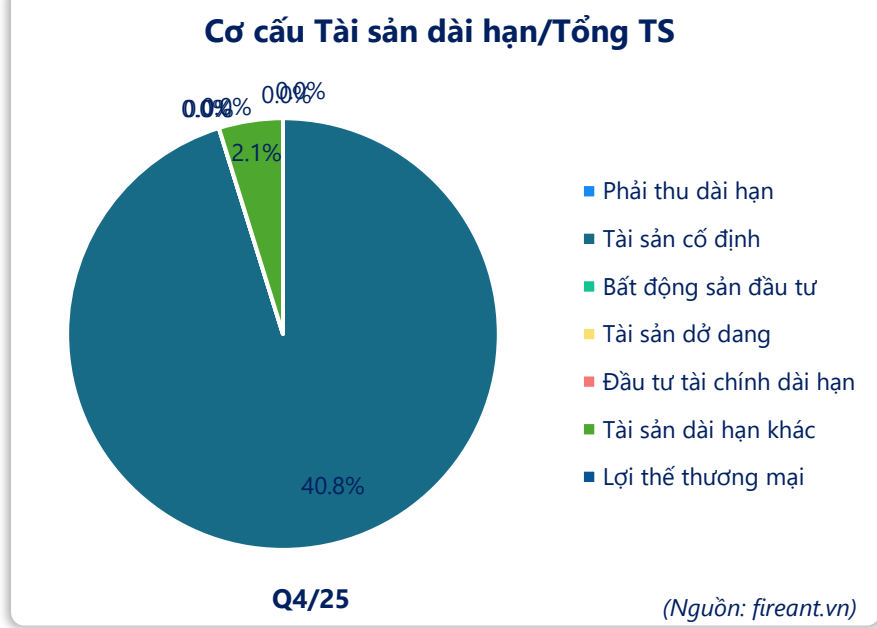
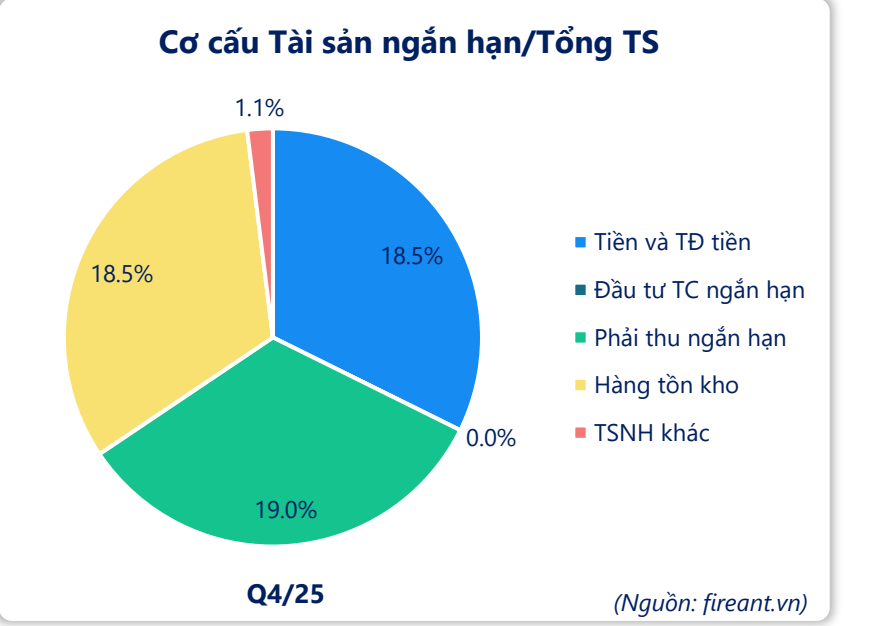
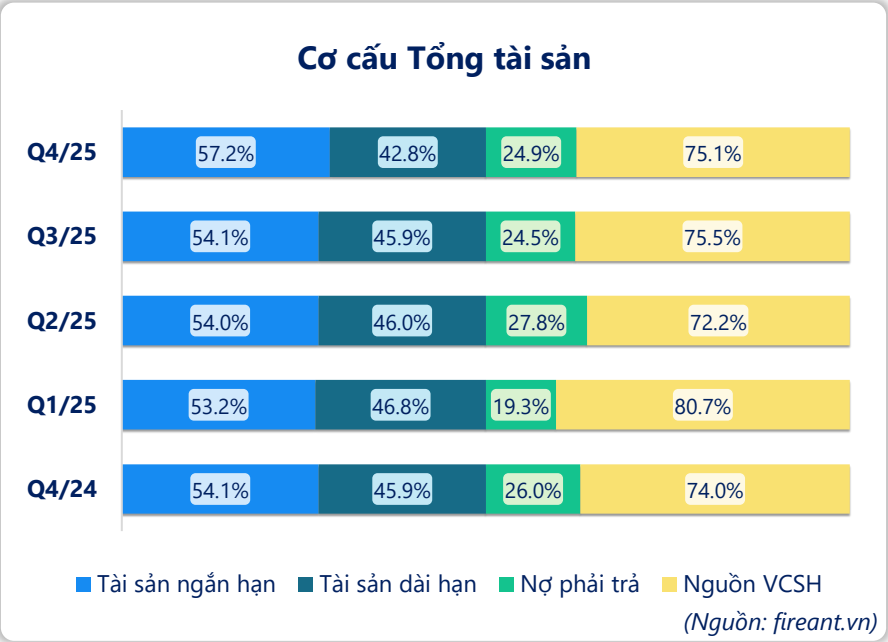
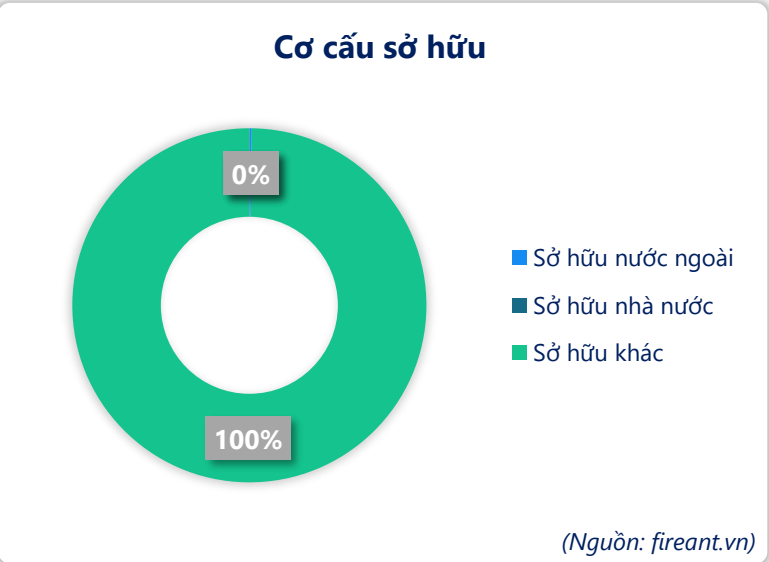
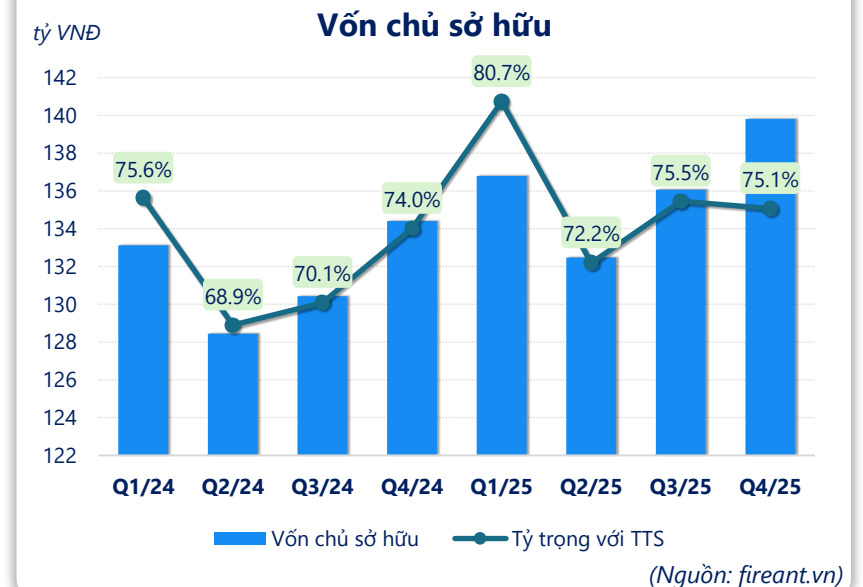
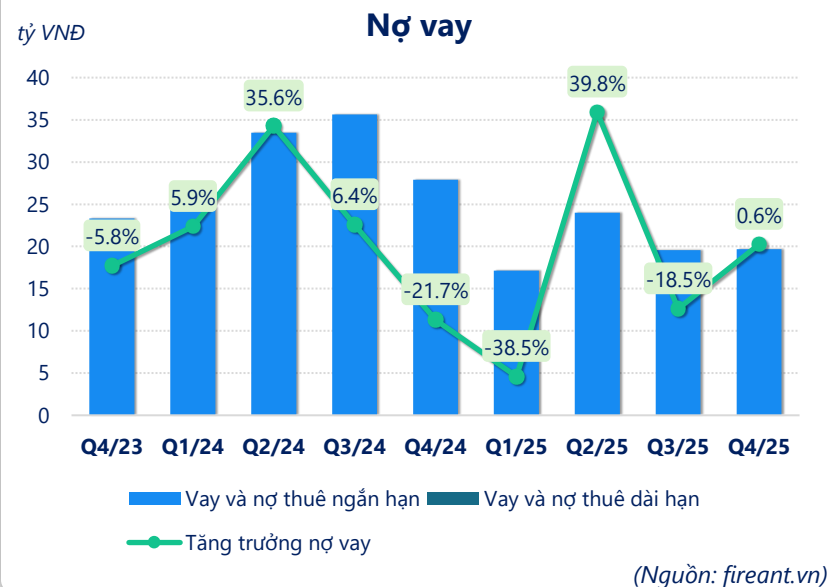
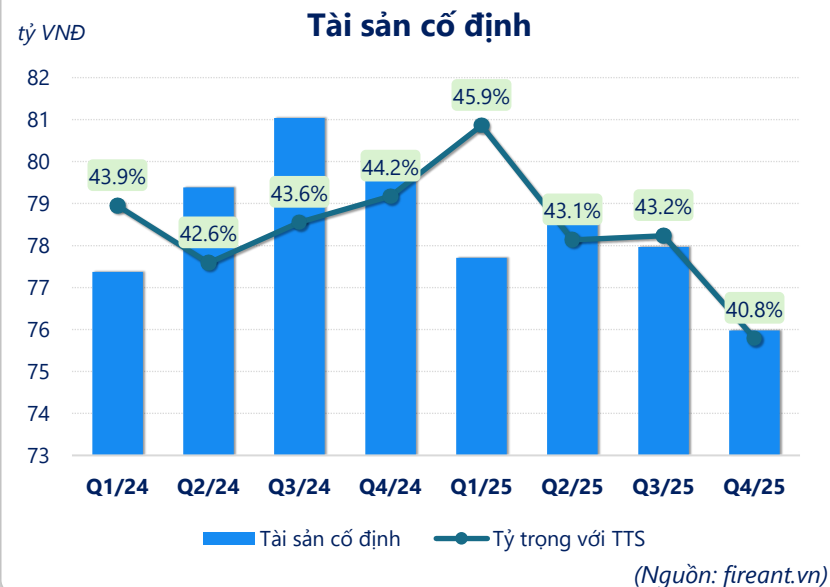
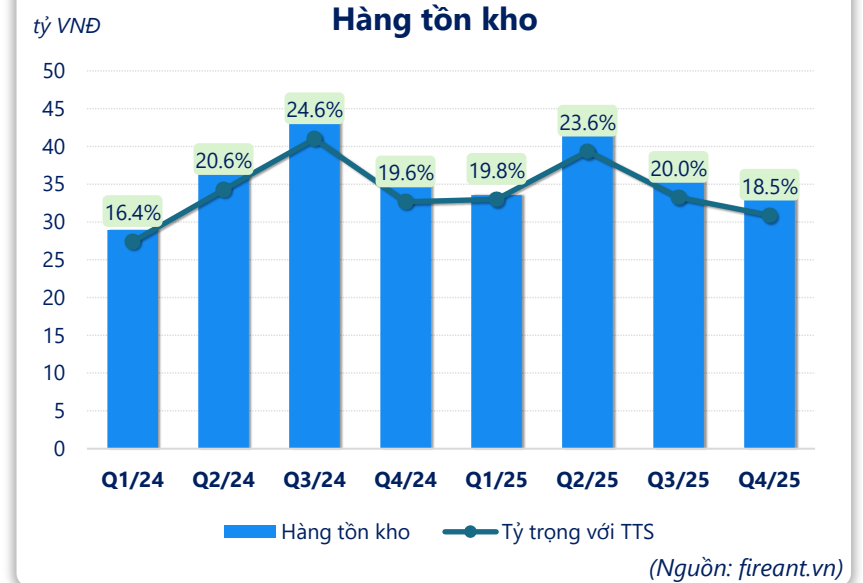
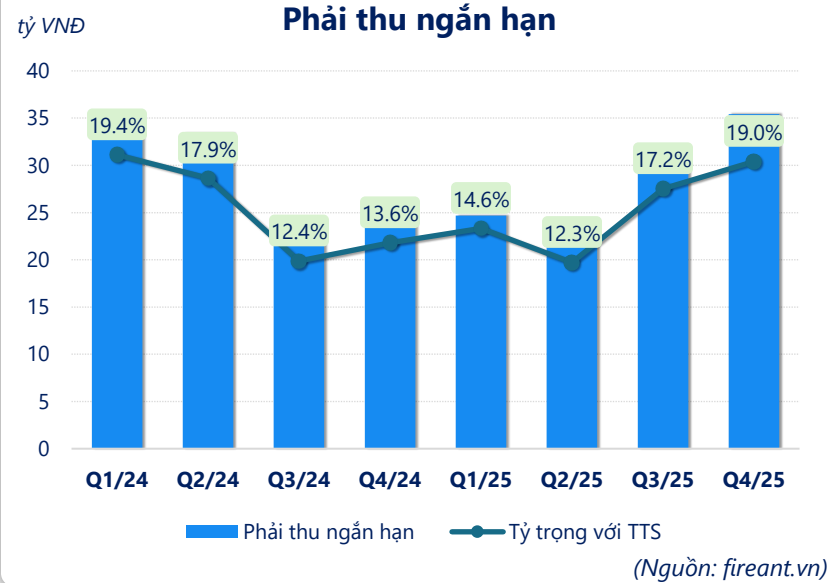
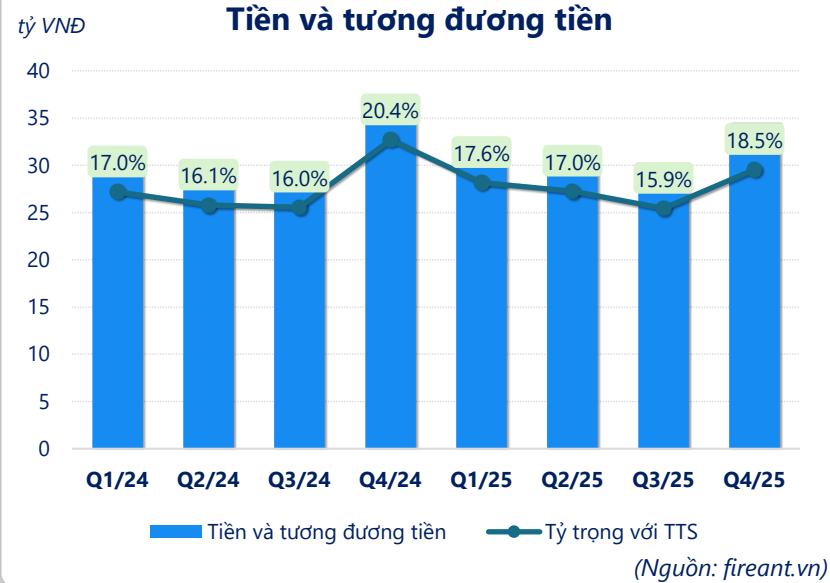
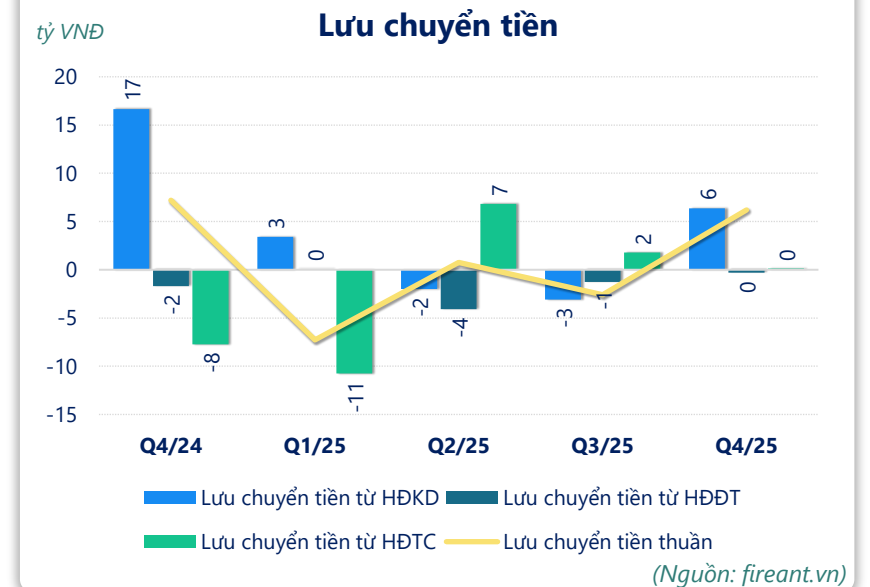
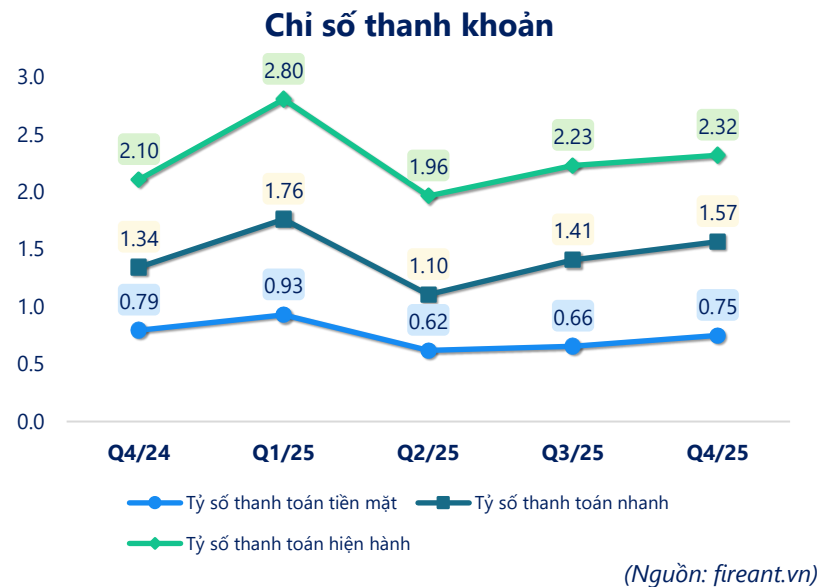
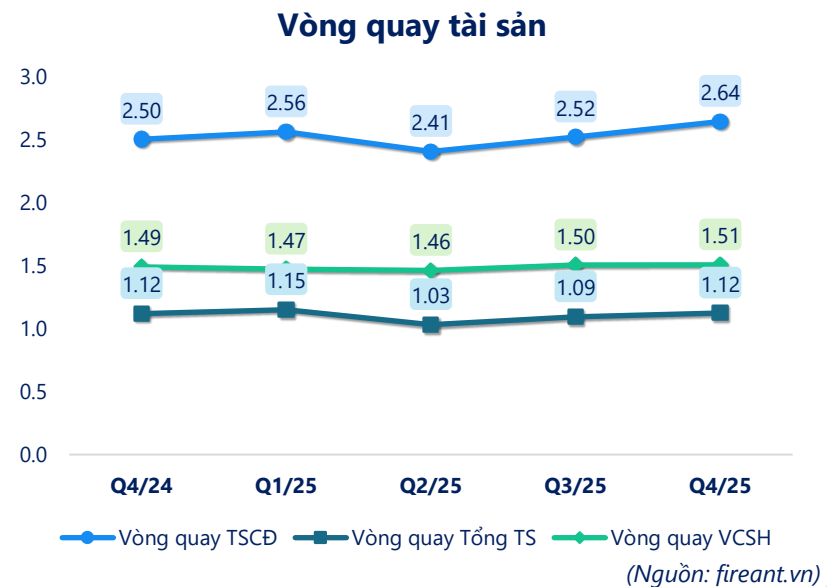
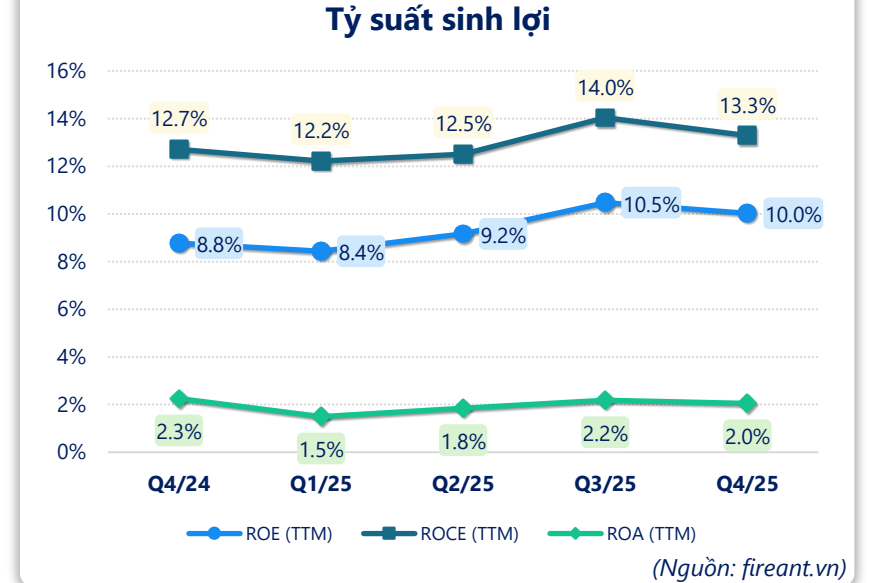
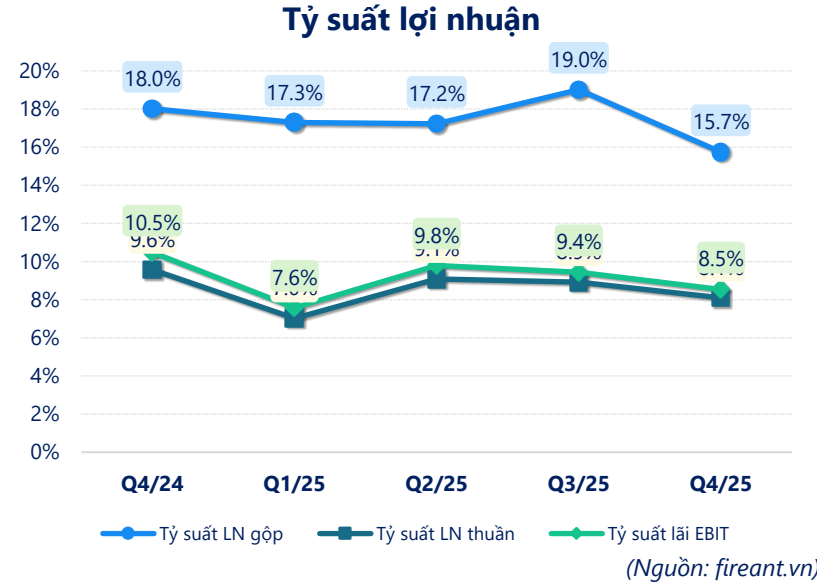
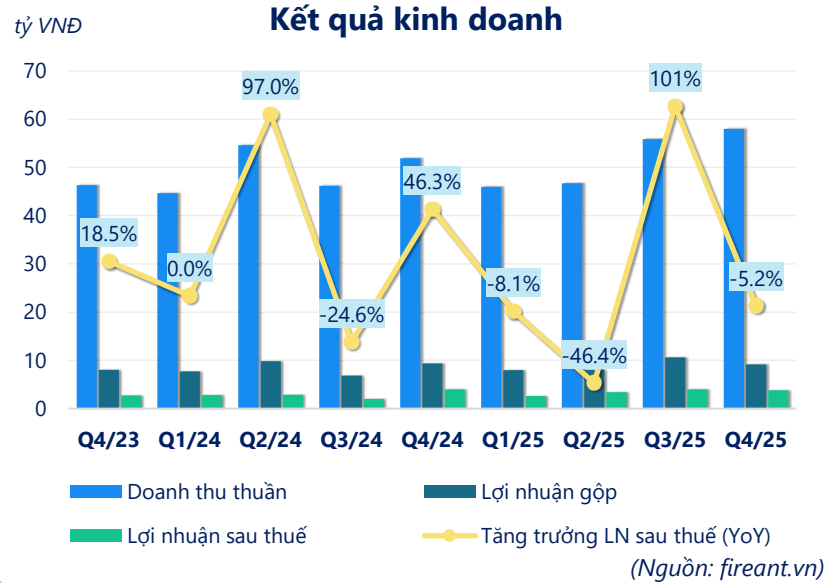


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,350
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,263
SL cổ phiếu LH		8,151,820
KLGD BQ 20 phiên (CP)		370
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		130
P/E		9.5
EPS		1,686

	YTD	1T	3T	6T
DTT	-19.4%	1.3%	-2.7%	-10.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	186	181	2.7%
Tài sản ngắn hạn	106	98.1	8.5%
Tiền và tương đương tiền	34.4	37.1	-7.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	35.4	24.7	43.4%
Hàng tồn kho	34.5	35.5	-2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.10	0.82	157%
Tài sản dài hạn	79.8	83.3	-4.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	76.0	80.2	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.83	3.13	22.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	46.4	47.2	-1.6%
Nợ ngắn hạn	45.9	46.7	-1.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.7	27.9	-29.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	5.95	103%
Nợ dài hạn	0.51	0.51	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	140	134	4.2%
Vốn chủ sở hữu	140	134	4.2%
Vốn điều lệ	81.5	81.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	51.9	46.0	46.7	55.9	58.0
Giá vốn hàng bán	42.6	38.0	38.7	45.2	48.9
Lợi nhuận gộp	9.35	7.95	8.05	10.6	9.13
Doanh thu HĐTC	0.23	0.05	0.78	0.10	0.15
Chi phí TC	0.49	0.28	0.31	0.30	0.25
Chi phí lãi vay	0.47	0.26	0.31	0.29	0.25
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.68	2.49	2.63	2.94	2.53
Chi phí QLDN	1.44	2.00	1.63	2.50	1.80
LN thuần từ HĐKD	4.97	3.23	4.25	4.98	4.70
Lợi nhuận khác	0.00	0	0.02	0	0.01
LN trước thuế	4.97	3.23	4.26	4.98	4.71
Lợi nhuận sau thuế	3.97	2.58	3.41	3.99	3.77
LNST của CĐ cty mẹ	3.97	2.58	3.41	3.99	3.77

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.6	3.42	-1.98	-3.10	6.37
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.71	0.05	-4.10	-1.27	-0.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.74	-10.7	6.82	1.77	0.12
Tiền đầu kỳ	29.7	37.1	29.8	31.3	28.7
Lưu chuyển tiền thuần	7.20	-7.27	0.75	-2.59	6.19
Ảnh hưởng tỷ giá	0.16	0	0.69	0	-0.46
Tiền cuối kỳ	37.1	29.8	31.3	28.7	34.4

(Nguồn: fireant.vn)